

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Vĩnh Cửu, ngày 13 tháng 05 năm 2024

Số: 222 /TB-CCTHADS

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Bản án, Quyết định số: 20/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 578/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số: 06/QĐ-THA ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu

Căn cứ kết quả thẩm định giá tài sản ngày 27 tháng 03 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai - địa chỉ : số T06-B2, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 3, phường Quang vinh, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 28 tháng 02 năm 2024; ngày 20 tháng 03 năm 2024 và ngày 08 tháng 05 năm 2024 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

Do các đương sự không thỏa thuận được tổ chức bán đấu giá tài sản của ông: Nguyễn Quý Sừ và bà Trịnh Thị Kim Liên- địa chỉ: ấp 1, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Vì vậy, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản như sau:

Người có tài sản đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Địa chỉ: Kp 8, TT Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1/ Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất diện tích 28.392m² thuộc thửa 71 tờ bản đồ số 16 (bản đồ năm 2010) thuộc một phần thửa cũ 30,31,51,39,43 tờ bản đồ số 31(bản đồ năm 1998) tại xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai theo trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1521/2023 ngày 26/06/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai- CN Vĩnh Cửu. Giấy CNQSD đất số R848682 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp ngày 28/09/2001 cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho ông Nguyễn Quý Sừ và bà Trịnh Thị Kim Liên ngày 10/09/2008 có giá 5.631.124.800 (Năm tỷ sáu trăm ba mươi một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng)

2/ Tài sản trên đất

Cây trồng trên đất gồm

Cây sầu riêng khoảng 432 cây (149 cây có độ tuổi từ 08-09 năm; 283 cây có độ tuổi từ 04 đến 05 năm tuổi; Dừa 13 cây có độ tuổi 04-05 năm; Mít khoảng 10 cây có độ tuổi 03-04 năm; Sung 01 cây có độ tuổi 3-5 năm, Lộc vừng 02 cây có độ tuổi 04-05 năm. có giá 839.650.000 đ (tám trăm ba mươi chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng

3/ Công trình xây dựng trên đất

- 01 móng nhà đang xây dở có diện tích 600m²
- Hàng rào B40 cột sắt khoảng 170m
- Trạm bơm : 15 ngựa
- 01 Hệ thống tưới: 02 giếng khoan
- Đường điện: cáp ngầm 3 pha khoảng 197 m
- Cột đèn chiếu sáng (năng lượng mặt trời) khoảng 16-17 cây

Có giá 400.555.000 đ (bốn trăm triệu năm trăm năm mươi năm nghìn đồng)

Tổng tài sản nêu trên có giá trị: 6.871.330.000 đồng (Sáu tỷ tám trăm bảy mươi một triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản nêu trên.

- Phương thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá hoặc bỏ phiếu kín.

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong việc bán đấu giá tài sản trong lĩnh vực thi hành án dân sự.

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá phù hợp theo quy định của Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp và Cục Thi hành án dân sự Đồng Nai công bố.

Và các tiêu chí theo phụ lục I Thông tư 02/2022 ngày 8/2/2022 của Bộ tư pháp, cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
I	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0

1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	4,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0

1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	<p>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</p>	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	<p>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</p>	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	<p>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</p>	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	<p>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại</p>	4,0

	<i>Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/ND-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá	5,0

	trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Có số lượng Đấu giá viên nhiều nhất	2,0
2	Tổ chức đấu giá có trụ sở và nhiều chi nhánh nhất	3,0
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Đủ điều kiện</i>
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	<i>Không đủ điều kiện</i>

Hồ sơ đăng ký bao gồm

- Hồ sơ năng lực, chứng minh có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;
- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;
- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín về bán đấu giá tài sản;
- Mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;
- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;
- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo.

Địa điểm nộp hồ sơ: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai địa chỉ: khu phố 8, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Vậy, thông báo để các tổ chức bán đấu giá có đủ điều kiện biết và đăng ký tham gia./.

Nơi nhận:

- Công thông tin Đấu giá tài sản của BTP;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (để đăng tải);
- Dương sự;
- Người có QNVLQ;
- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: HSTHA, VT.

CHẤP HÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Thu Hà